TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/12/ 2019
V/v: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Bùi Văn Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm Tây Cát, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm Tây Cát, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị H, anh H1 đều vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về yêu cầu không công nhận vợ chồng ngày 05-12-2019, bản tự khai ngày 06-12-2019, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Là người cùng xã, sau thời gian dài qua lại tìm hiểu, chị H và anh H1 nảy sinh tình cảm, có nguyện vọng chung sống cùng nhau. Năm 1994, do mất giấy tờ và một số lý do khách quan khác nên chị H, anh H1 đã không đăng ký kết hôn nhưng vẫn chung sống với nhau như vợ chồng. Quá trình chung sống, mặc dù đã có 3 con chung nhưng vì mải lo làm kinh tế nên chị H, anh H1 không nghĩ đến việc

phải đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị H, anh H1 chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ năm 1994 đến năm 2009 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 không còn quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vì vậy, chị H đã đưa cả 3 con chung vào nam làm kinh tế; chị H và anh H1 sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ năm năm 2009 đến nay. Nay chị H và anh H1 đều xác định không thể tiếp tục chung sống, để giải quyết dứt điểm các mối quan hệ giữa hai bên, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh H1 là vợ chồng hợp pháp.

Về con chung: Chị H và anh H1 có ba con chung là Phạm Thị Hằng, sinh ngày 27-3-1995; Phạm Thị Hạnh, sinh ngày 20-6-1997 và Phạm Tuấn Hùng, sinh ngày 29-6-2009. Hiện nay cháu Hằng và cháu Hạnh đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu giải quyết. Cháu Hùng hiện đang ở với H, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị H và anh H1 không có tài sản chung, không vay nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06-12-2019, bị đơn anh Phạm Văn H1 có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian tìm hiểu, việc không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời gian chấm dứt chung sống. Do mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau nên chị H đã đưa 3 con chung vào nam làm ăn, chấm dứt cuộc sống chung với anh H1 từ năm 2009 đến nay. Từ khi đi, chị H có về thăm gia đình nhưng chủ động tránh không gặp anh H1. Nay chị H làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, anh H1 hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H1 xác nhận có ba con chung như chị H trình bày. Hai con lớn là cháu Hằng và cháu Hạnh đã trưởng thành nên anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Hùng chưa thành niên, có nguyện vọng ở với chị H, anh H1 cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giao cháu Hùng cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh H1 xác nhận giữa anh và chị H không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc, chị H, anh H1 xin vắng mặt tại phiên tòa. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị H, anh H1 giữ ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Trần Thị H, anh Phạm Văn H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ đơn yêu cầu của chị H có xác nhận của chính quyền địa pH1 về thực trạng không đăng ký kết hôn; lời khai xác nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị H, anh H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến năm 2009, có 3 con chung nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật là sự việc có thật. Tại điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 đã quy định: "... nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Chị H, anh H1 mặc dù thực tế đã có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị H và anh H1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H, anh H1 có ba con chung là Phạm Thị Hằng, sinh ngày 27-3-1995; Phạm Thị Hạnh, sinh ngày 20-6-1997 và Phạm Tuấn Hùng, sinh ngày 29-6-2009. Cháu Hằng và cháu Hạnh đã trưởng thành nên chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết; cháu Hùng chưa thành niên, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi con của chị H là tự nguyện, phù hợp tình hình thực tế, nguyện vọng của con chung, được anh H1 chấp nhận nên giao cháu Phạm Tuấn Hùng cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H và được quyền thăm nom, chăm sóc con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị H và anh H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 227, khoản 1 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn Hùng, sinh ngày 29-6-2009 cho chị Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hùng thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Phạm Văn H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H và được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc anh H1 thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001898 ngày 06-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chinh **Bùi Văn Bình** **Ngô Thị Hòe**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe